TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-02-2023
"V/v Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Chi

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thạch Đa Ra
2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Giữ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh: Không tham gia

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 366/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022, về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh ngày 01/01/1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã R, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã R, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn bà Lê Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Lê Thị N thể hiện:

Bà N và ông Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 1989 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống bà N và ông T có 01 con chung là Nguyễn K, sinh ngày 25/5/1990. Cuộc sống hôn nhân của giữa hai người không hạnh phúc vì bất đồng quan điểm, mẫu thuẫn theo thời gian chung sống ngày càng phát sinh nhiều hơn, nguyên nhân vì tính ý cả hai không hợp nhau nên cuộc sống bà N và ông T không còn hạnh phúc và đã ly thân nhau từ năm 1996. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung 01 người là Nguyễn K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt nên không có lời trình bày..

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Về con chung 01 người là Nguyễn K, sinh ngày 25/5/1990 đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung bà N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Các đương sự đều vắng mặt nên cũng không trực tiếp thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không có đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc "Xin ly hôn", căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử có căn cứ để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vào năm 1989. Do trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm được và đã ly thân nhau thời gian dài nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N, do giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông T không còn thương yêu nhau và hai người đã ly thân nhau một thời gian dài nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống vợ chồng của bà N và ông T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do đã thể hiện ý chí của ông T không muốn hàn gắn để tiếp tục chung sống và xây dựng gia đình hạnh phúc với bà N và cũng thể hiện ông T đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị N.

[4] Về con chung: 01 người là Nguyễn K, sinh ngày 25/5/1990 đã trưởng thành. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà Lê Thị N khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.
- Về con chung: 01 người là Nguyễn K, sinh ngày 25/5/1990 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị N khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

*** Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:** Buộc bà Lê Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được cấn trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0013345, ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, nên bà N không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai báo đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- UBND nơi đương sự cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Bích Chi